TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **02** /2018/QĐST-HNGĐ	***Sông Công, ngày 16 tháng 01năm 2018***

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 148/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 giữa:

***** Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H, s**inh năm 1982

Nơi cư trú: xóm B, xã B1, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên

* Bị đơn: **Anh Đồng Văn T,** sinh năm 1976

Nơi cư trú: xóm B, xã B1, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch HĐTV

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Duy K – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng NN & PTNT chi nhánh Sông Công (theo giấy ủy quyền số 510/QĐ –HĐTV ngày 19/6/2014)

2. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Linh C – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Sông Công (theo giấy ủy quyền số 4716/QĐ – NHCS ngày 25/11/2016)

Bà Chi ủy quyền cho ông Dương Văn P – chức vụ: Phó giám đốc (theo giấy ủy quyền số 89/QĐ –NHCS ngày 06/5/2017)

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Văn T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Văn T thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 Đồng Quang H sinh ngày 11/12/2000 và Đồng Thị Như Q sinh ngày 05/10/2014. Chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đồng Thị Như Q, anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đồng Quang H.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho cả hai bên. Chị H và anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

* Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Về công nợ: Các đương sự thống nhất: Anh Đồng Văn T có trách nhiệm trả nợ:

+ Trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Sông Công theo hai chương trình vay vốn số tiền cả gốc và lãi phát sinh theo chương trình vay vốn:

- Chương trình cho vay nước sạch và VSMT nông thôn số tiền nợ gốc 12.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn trả 08/5/2019.

- Chương trình cho vay Hộ cận nghèo số tiền nợ gốc

50.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 0,72%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng 08/01/2018 (Ngân hàng đã gia hạn trả nợ đến ngày 08/4/2018).

+ Trả nợ Ngân hàng NN & PTNT chi nhánh thành phố Sông Công theo hợp đồng vay vốn số 8509LAV201700199 ngày 24/02/2017 số tiền nợ gốc 100.000.000đ và lãi theo hợp đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 11,5%/năm.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Anh T đồng ý để chị H tự nguyện chịu án phí. Chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0010793 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công được chuyển thành án phí. Hoàn trả cho chị H 150.000đ tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh;*
- *VKSND;*
- *THADS;*
- *UBND xã B1;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Chu Thị Hồng Hải